TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** TỈNH KON TUM Số: 29 /QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc** Ngọc hồi, ngày 24 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM

Căn cứ vào Điều 212,213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 83/2019/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Nguyễn Thị L; Sinh năm 1984

Địa chỉ nơi cư trú : Thôn 7 thị trấn P, huyện N, tỉnh K

- Anh Dương Đình N; Sinh năm 1971.

Địa chỉ nơi cư trú : Thôn 7 thị trấn P, huyện N, tỉnh K

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ trên cơ sở nội dung đơn yêu cầu đề ngày 02/7/2019 của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thụ lý việc dân sự, người yêu cầu, yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Vào ngày 15/7/2019 Tòa án đã tiến hành kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Người yêu cầu vẫn giữ quan điểm là yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy yêu cầu Tòa án công nhận việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Đình N thỏa Thuân. Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung là: Dương Gia N, sinh ngày 17/01/2009, và Dương Đình T sinh ngày 19/6/2011 cho đến khi các con trưởng

thành và tự lập được. Anh Dương Đình N cấp dưỡng nuôi con chung Dương Gia N và Dương Đình T mỗi tháng là 5.000.000đ/tháng/2 cháu (Năm triệu đồng) thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2019, cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung; không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

Về tài sản chung**:** Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Xét thấy: Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Đình N quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Việc anh, chị xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị L và anh N về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Dương Đình N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Đình N thỏa Thuân. Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là: Dương Gia N, sinh ngày 17/01/2009, và Dương Đình T sinh ngày 19/6/2011 cho đến khi các con trưởng thành và tự lập được. Anh Dương Đình N cấp dưỡng nuôi con chung Dương Gia N và Dương Đình T mỗi tháng là 5.000.000đ/tháng/2 cháu (Năm triệu đồng) thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2019, cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực và đến thời điểm phải thanh toán và bên được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu bên phải thi hành án không trả khoản tiền trên. Thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được qui định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; Nếu không có thỏa thuận thì đươc thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản cấm đoan.

- Về tài sản chung: Người yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm**:**

- Áp dụng Điều 144; 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 36, điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ

phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Đình N mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm. Nay chị Nguyễn Thị L tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được đối trừ vào số tiền chị L đã nộp tạm ứng lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2016/0000355, ngày 05/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi..

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
-Đương sự
-VKSND huyện Ngọc hồi
-THA dân sự huyện Ngọc hồi
-TAND tỉnh Kon Tum
-TAND cấp cao tại Đà Nẵng
-UBND xã Kỳ Sơn (nơi đăng ký kết hôn)
-Lưu HS

THẨM PHÁN
(Đã Ký)

Nguyễn Hành